

Số: **98** /QĐ-TCT

Hà Nội, ngày **26** tháng **01** năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình áp dụng quản lý rủi ro lựa chọn hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Tiêu thụ đặc biệt để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế**

### TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế;*

*Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Quyết định số 2363/QĐ-TCT ngày 16/12/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Thuế;*

*Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-TCT ngày 06/10/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Bộ chỉ số tiêu chí lựa chọn hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt có dấu hiệu rủi ro để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế;*

*Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-TCT ngày 10/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Thuế;*

Theo đề nghị của Trường ban Quản lý rủi ro.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình áp dụng quản lý rủi ro lựa chọn hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Tiêu thụ đặc biệt để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.

### Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, quy định tại các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành:

- Quyết định số 1185/QĐ-TCT ngày 27/6/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành bộ chỉ tiêu kiểm tra hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tại trụ sở cơ quan thuế bằng công nghệ thông tin;

- Quyết định số 1186/QĐ-TCT ngày 27/6/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành quy trình kiểm tra hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tại trụ sở cơ quan thuế bằng công nghệ thông tin.

**Điều 3.** Thủ trưởng các Vụ, đơn vị tương đương thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực, quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Cục Thuế các tỉnh và thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLRR (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Đang Ngọc Minh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY TRÌNH

**Áp dụng quản lý rủi ro lựa chọn hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Tiêu thụ đặc biệt để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế**  
(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-TCT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tổng cục Thuế)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Mục đích

1. Hướng dẫn cơ quan thuế thực hiện thu thập, phân tích, đánh giá thông tin lựa chọn hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt có dấu hiệu rủi ro để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

2. Chuẩn hóa các nội dung và các bước công việc, tạo sự thống nhất khách quan trong công tác lựa chọn hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt có dấu hiệu rủi ro để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

3. Hiện đại hóa công tác lựa chọn hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế, nâng cao khả năng phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời người nộp thuế có hành vi kê khai sai, trốn thuế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

#### Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy trình hướng dẫn về trình tự, thủ tục, các bước thực hiện áp dụng quản lý rủi ro trong công tác lựa chọn hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt của người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.

Quy trình áp dụng cho cơ quan thuế các cấp: Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế (bao gồm cả Chi cục Thuế khu vực).

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ và các cụm từ viết tắt

1. Trong Quy trình này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Chỉ số tiêu chí*: là các chỉ tiêu thông tin mang giá trị của tiêu chí giúp cho việc nhận biết, phân loại mức độ rủi ro. Chỉ số tiêu chí được thể hiện cụ thể bằng con số, tỷ lệ, tỷ suất, tỷ số... được tính toán thông qua việc thu thập, phân tích số liệu.

- *Điểm số rủi ro*: là số điểm cụ thể được gắn với từng chỉ số tiêu chí theo mức độ rủi ro của chỉ số tiêu chí đó và trên cơ sở thang điểm rủi ro.

- *Trọng số*: là hệ số theo tiêu chí, được sử dụng để đánh giá mức độ trọng

yếu của tiêu chí đối với kết quả đánh giá mức độ rủi ro của người nộp thuế.

- *Ứng dụng quản lý rủi ro*: là ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện việc kết nối, tiếp nhận thông tin từ các nguồn dữ liệu liên quan trong và ngoài cơ quan thuế, điện tử hóa các biện pháp, kỹ thuật quản lý rủi ro dựa trên bộ tiêu chí, chỉ số được ban hành để phân tích, đánh giá tuân thủ, xác định mức độ rủi ro phục vụ cho việc quyết định áp dụng các biện pháp nghiệp vụ của cơ quan thuế.

- *Ngưỡng rủi ro*: là khoảng điểm cụ thể được ban hành dựa trên tổng số điểm rủi ro của hồ sơ khai thuế và số lượng chỉ số tiêu chí rủi ro cao hoặc số lượng, tỷ lệ % hồ sơ khai thuế theo danh sách được phân loại tính từ hồ sơ khai thuế có điểm rủi ro cao nhất đến hồ sơ khai thuế có điểm rủi ro thấp nhất. Ngưỡng rủi ro sử dụng để phân loại rủi ro đối với tất cả hồ sơ khai thuế được phân tích, đánh giá.

- *Thời điểm đánh giá*: là thời điểm thực hiện phân tích thông tin đánh giá rủi ro người nộp thuế.

- *Cơ quan Thuế*: bao gồm Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi Cục Thuế (bao gồm cả Chi cục Thuế khu vực).

## 2. Bộ phận tại cơ quan thuế các cấp tham gia vào quy trình:

- *Bộ phận Quản lý rủi ro*: Ban Quản lý rủi ro thuộc Tổng cục Thuế, Phòng Kế khai - kê toán thuế và cơ sở dữ liệu doanh nghiệp lớn của Cục Thuế Doanh nghiệp lớn. Đối với Cục Thuế và Chi cục Thuế có nhiều phòng/đội thanh tra, kiểm tra thì từng phòng/đội thanh tra, kiểm tra phân công cán bộ làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ khai thác ứng dụng quản lý rủi ro để lựa chọn hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt có dấu hiệu rủi ro đối với người nộp thuế thuộc phòng/đội mình quản lý, đồng thời Cục Thuế và Chi cục Thuế chỉ định một phòng/đội thanh tra, kiểm tra làm đầu mối tổng hợp.

- *Bộ phận Thanh tra - Kiểm tra thuế*: Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế thuộc Tổng cục Thuế; Phòng được giao nhiệm vụ Thanh tra - Kiểm tra của Cục Thuế Doanh nghiệp lớn thuộc Tổng cục Thuế; các Phòng Thanh tra - Kiểm tra thuộc Cục Thuế; các Phòng, Đội Kiểm tra thuế và các Đội Quản lý thuế xã, phường/liên xã phường hoặc Đội Nghiệp vụ quản lý thuế (trong trường hợp Chi cục Thuế không có Đội kiểm tra thuế và Đội Quản lý thuế xã, phường/liên xã phường) thuộc Chi cục Thuế.

- *Bộ phận Tin học*: Cục Công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Thuế; Phòng Công nghệ thông tin thuộc Cục Thuế; bộ phận làm công tác Tin học thuộc Chi cục Thuế.

- *Các bộ phận nghiệp vụ khác tham gia Quy trình*: các Vụ/đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế, Phòng thuộc Cục Thuế, Phòng/Đội thuộc Chi cục Thuế có liên quan theo phân công của Lãnh đạo cơ quan thuế.

## 3. Các chữ viết tắt trong Quy trình

- Người nộp thuế viết tắt là NNT.

- Quản lý rủi ro viết tắt là QLRR.
- Giá trị gia tăng viết tắt là GTGT.
- Thu nhập doanh nghiệp viết tắt là TNDN.
- Tiêu thụ đặc biệt viết tắt là TTĐB.
- Hồ sơ khai thuế viết tắt là HSKT.
- Cơ quan thuế viết tắt là CQT.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG QUY TRÌNH**

#### **Điều 4. Thu thập, xử lý thông tin**

Cơ quan thuế thực hiện thu thập, cập nhật và xử lý thông tin nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi phân tích rủi ro, lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB của NNT để kiểm tra tại trụ sở CQT.

Thông tin phục vụ công tác phân tích, đánh giá rủi ro, lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB của NNT để kiểm tra tại trụ sở CQT được thu thập từ cơ sở dữ liệu ngành thuế, được quản lý tập trung tại Tổng cục Thuế thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và được xử lý, chia sẻ, cung cấp cho CQT các cấp để thực hiện công tác quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế, công chức thuế thực hiện thu thập, xử lý thông tin theo Quy trình thu thập, khai thác thông tin phục vụ QLRR trong quản lý thuế ban hành tại Quyết định số 86/QĐ-TCT ngày 08/02/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

#### **Điều 5. Xây dựng, sử dụng Bộ chỉ số tiêu chí lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB có dấu hiệu rủi ro để kiểm tra tại trụ sở CQT**

Ban QLRR và Cục Công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Thuế sử dụng các chỉ số tiêu chí đánh giá rủi ro do Tổng cục Thuế ban hành đưa vào ứng dụng QLRR trong công tác lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB để kiểm tra tại trụ sở CQT như sau:

Bộ chỉ số tiêu chí lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB có dấu hiệu rủi ro để kiểm tra tại trụ sở CQT được ban hành theo Quyết định số 1582/QĐ-TCT ngày 06/10/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế được áp dụng thống nhất trên toàn quốc đối với mẫu số 01/GTGT, 03/TNDN, 01/TTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp Bộ chỉ số tiêu chí nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo Bộ chỉ số tiêu chí sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình triển khai áp dụng, nếu Cục Thuế có đề xuất bổ sung, sửa đổi tiêu chí, chỉ số tiêu chí cho phù hợp với công tác quản lý thuế, Cục Thuế có văn bản gửi Tổng cục Thuế (Ban QLRR) nêu rõ lý do, cơ sở lập tiêu chí chỉ số; công thức tính; điểm số, trọng số của từng tiêu chí, chỉ số tiêu chí.

Theo yêu cầu quản lý thuế trong từng thời kỳ, Tổng cục Thuế ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung chỉ số tiêu chí. Ban QLRR chủ trì phối hợp với các Vụ/đơn vị/Cục Thuế nghiên cứu, tham mưu trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành bổ sung hoặc điều chỉnh các chỉ số tiêu chí phân tích rủi ro.

Cục Công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm xây dựng, nâng cấp các phần mềm ứng dụng liên quan đáp ứng việc đưa các chỉ số tiêu chí do Tổng cục Thuế ban hành vào ứng dụng QLRR để phân tích đánh giá lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB có dấu hiệu rủi ro kiểm tra tại trụ sở CQT.

## **Điều 6. Đánh giá, phân loại, xử lý kết quả phân loại mức độ rủi ro HSKT**

### ***1. Nguyên tắc chung***

- Việc phân tích, đánh giá, phân loại mức độ rủi ro để lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB kiểm tra tại trụ sở CQT được thực hiện tự động, tập trung trên ứng dụng QLRR.

- Định kỳ hàng tháng, bộ phận QLRR tại CQT các cấp quản lý trực tiếp NNT phối hợp với bộ phận Tin học sử dụng ứng dụng QLRR để lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB của NNT như sau:

+ Đối với HSKT GTGT, TTĐB: việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được thực hiện định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Trường hợp NNT có HSKT sửa đổi, bổ sung thì việc đánh giá, phân loại lại mức độ rủi ro của HSKT có sửa đổi, bổ sung được thực hiện vào ngày 25 tháng sau.

+ Đối với HSKT TNDN: việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được thực hiện định kỳ vào ngày 25 tháng 4. Trường hợp NNT có kỳ khai thuế TNDN khác năm dương lịch hoặc có sửa đổi, bổ sung HSKT TNDN thì việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được thực hiện định kỳ vào ngày 25 tháng 4, ngày 25 tháng 7 và ngày 25 tháng 10.

- Trên cơ sở tổng điểm rủi ro của HSKT và ngưỡng rủi ro, ứng dụng QLRR tự động phân loại mức độ rủi ro với mỗi HSKT GTGT, HSKT TNDN, HSKT TTĐB theo một trong ba mức: rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp. Kết quả phân tích rủi ro, phân loại mức độ rủi ro đối với HSKT của NNT được tổng hợp theo mẫu số 01-KTTB/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quy trình này.

### ***2. Xây dựng ngưỡng rủi ro***

- Ngưỡng rủi ro là căn cứ phân loại mức độ rủi ro của HSKT theo 3 mức: rủi ro cao, rủi ro trung bình và rủi ro thấp. Ngưỡng rủi ro phải phê duyệt trên hệ thống và có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt. Ngưỡng rủi ro được điều chỉnh, ban hành theo yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ và do Tổng cục Thuế hướng dẫn thực hiện làm căn cứ phân loại rủi ro NNT.

- Ứng dụng QLRR cho phép lựa chọn 02 phương pháp xác định ngưỡng rủi ro cao:

+ Phương pháp số tuyệt đối: số lượng HSKT có dấu hiệu rủi ro cao được

xác định trên cơ sở HSKT có tổng điểm rủi ro và số lượng chỉ số tiêu chí rủi ro cao; hoặc số lượng HSKT có tổng điểm rủi ro cao ấn định cụ thể cho từng CQT.

+ Phương pháp số tương đối: số lượng HSKT có dấu hiệu rủi ro cao xác định theo tỷ lệ % HSKT có tổng điểm rủi ro cao nhất và số lượng chỉ số tiêu chí được xác định là rủi ro cao.

Tỷ lệ (số lượng) HSKT phân loại mức độ rủi ro thấp tương ứng với 50% tổng số HSKT lấy từ tổng điểm rủi ro thấp nhất trở lên.

Tỷ lệ (số lượng) HSKT phân loại mức độ rủi ro trung bình: là tỷ lệ (số lượng) HSKT còn lại sau khi trừ đi tỷ lệ (số lượng) HSKT rủi ro cao và HSKT rủi ro thấp.

- Trường hợp HSKT thuộc ngưỡng rủi ro cao nhưng có tổng điểm rủi ro trùng nhau thì xét theo tiêu chí phụ có kết quả rủi ro từ cao đến thấp với thứ tự ưu tiên như sau:

STT	Chỉ số tiêu chí
<b>I.</b>	<b>Hồ sơ khai thuế GTGT</b>
1	[Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào kỳ này so với trung bình 12 tháng (hoặc 4 quý) trước liền kề] - [Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra kỳ này so với trung bình 12 tháng (hoặc 4 quý) trước liền kề].
2	Tỷ lệ “Doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%/Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra” kỳ này so với kỳ trước.
3	Tỷ lệ “Doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế/Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra” kỳ này so với kỳ trước.
4	Tỷ lệ “Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào/Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào” kỳ này so với kỳ trước.
5	Tỷ lệ “Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra/Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra” kỳ này so với kỳ trước.
<b>II.</b>	<b>Hồ sơ khai thuế TNDN</b>
1	Tỷ lệ “Tổng các khoản giảm trừ doanh thu/Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” kỳ này so với kỳ trước.
2	Tỷ lệ “Người mua trả tiền trước cuối kỳ/Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” kỳ này so với kỳ trước.
3	Tỷ lệ “Tổng các khoản dự phòng cuối kỳ/ Tổng chi phí” kỳ này so với kỳ trước.
4	Tỷ lệ “Phải trả người lao động cuối kỳ/Tổng chi phí” kỳ này so với kỳ trước.

III.	<b>Hồ sơ khai thuế TTĐB</b>
1	Tỷ lệ “Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT) hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế TTĐB/Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra” kỳ này so với kỳ trước.
2	Tỷ lệ “Thuế TTĐB được khấu trừ/Tổng số thuế TTĐB phải nộp” kỳ này so với kỳ trước.
3	Chênh lệch không được khấu trừ giữa số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu với số thuế TTĐB bán ra trong nước.

### **3. Đánh giá, phân loại HSKT**

Trên cơ sở kết quả phân loại mức độ rủi ro của HSKT, ứng dụng QLRR tự động lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB rủi ro cao theo mẫu số 02-KTTB/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quy trình này.

Danh sách NNT có HSKT rủi ro cao dự kiến để kiểm tra tại trụ sở CQT được ứng dụng QLRR hỗ trợ tự động đưa ra theo mẫu số 03-KTTB/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quy trình này theo nguyên tắc sau:

- NNT có từ một đến ba HSKT (GTGT, TNDN, TTĐB) rủi ro cao.
- Danh sách NNT được lựa chọn dự kiến để kiểm tra HSKT tại trụ sở CQT không trùng lặp với danh sách NNT thuộc kế hoạch kiểm tra tại trụ sở CQT đã được Lãnh đạo CQT ký duyệt trước ngày 30 tháng 12 hàng năm theo quy định tại Quy trình kiểm tra thuế.

Chậm nhất ngày 28 hàng tháng, bộ phận QLRR tại CQT các cấp quản lý trực tiếp NNT thực hiện kết xuất mẫu số 02-KTTB/QTr-QLRR, mẫu số 03-KTTB/QTr-QLRR và chuyển tới Lãnh đạo bộ phận Thanh tra - Kiểm tra thuế quản lý trực tiếp NNT để phân công rà soát, kiểm tra.

Ngoài ra, bộ phận QLRR có thể in Phiếu nhận xét HSKT do ứng dụng kết xuất theo mẫu số 04-KTTB/QTr-QLRR, mẫu số 05-KTTB/QTr-QLRR, mẫu số 06-KTTB/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quy trình này để hỗ trợ bộ phận Thanh tra - Kiểm tra thuế rà soát, kiểm tra HSKT của NNT (nếu cần).

## **Điều 7. Xử lý danh sách NNT có HSKT rủi ro cao để kiểm tra tại trụ sở CQT**

### **1. Nguyên tắc chung**

Lãnh đạo bộ phận Thanh tra - Kiểm tra thuế căn cứ danh sách NNT có HSKT rủi ro cao thực hiện phân công công chức trực tiếp xử lý hồ sơ để kiểm tra.

Căn cứ trên danh sách được phân công, công chức thuế thực hiện rà soát, kiểm tra các nội dung theo kết quả phân tích của từng chỉ số tiêu chí.

Trường hợp NNT qua đánh giá phân loại thuộc danh sách NNT có HSKT



rủi ro cao nhưng khi thực hiện rà soát, kiểm tra thực tế hai (02) kỳ khai thuế trước không phát sinh hành vi vi phạm pháp luật về thuế sẽ được tiếp tục đưa vào phân tích, đánh giá rủi ro sau thời hạn sáu (06) tháng kể từ khi có kết quả kiểm tra.

Trường hợp CQT trong công tác quản lý thuế có thông tin tin cậy làm giảm mức độ rủi ro của NNT tới mức thấp hoặc có cơ sở cho rằng mức độ rủi ro HSKT của NNT là thấp thì CQT quyết định không lựa chọn NNT đó để kiểm tra tại trụ sở CQT.

Trường hợp CQT có thông tin tin cậy xác định NNT có HSKT rủi ro cao thì CQT lựa chọn bổ sung vào kế hoạch kiểm tra.

## **2. Cách thức xử lý**

Sau khi thực hiện rà soát, loại trừ các rủi ro đã rõ nguyên nhân, đã được giải trình tại các tháng/quý/năm trước đó, bộ phận Thanh tra - Kiểm tra thuế sẽ trình Lãnh đạo CQT phê duyệt danh sách NNT có HSKT rủi ro cao cần kiểm tra tại trụ sở CQT. Trên cơ sở danh sách NNT có HSKT rủi ro cao đã được Lãnh đạo CQT phê duyệt, bộ phận Thanh tra - Kiểm tra thuế chuyển bộ phận QLRR nhập lý do bổ sung hoặc loại trừ HSKT rủi ro cao vào ứng dụng QLRR theo mẫu số 02-KTTB/QTr-QLRR chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo. Ứng dụng QLRR hỗ trợ tự động cập nhật lại Danh sách NNT có HSKT rủi ro cao theo mẫu số 03-KTTB/QTr-QLRR.

Căn cứ danh sách NNT có HSKT rủi ro cao cần kiểm tra tại trụ sở CQT, Lãnh đạo CQT (có thể ủy quyền cho trưởng bộ phận QLRR) phê duyệt trên ứng dụng QLRR để chuyển sang hệ thống hỗ trợ thanh tra - kiểm tra thuế. Bộ phận Thanh tra - Kiểm tra thuế thực hiện kiểm tra HSKT tại trụ sở CQT theo hướng dẫn tại Quy trình Kiểm tra thuế hiện hành.

## **Điều 8. Đánh giá việc áp dụng QLRR trong công tác lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB để kiểm tra tại trụ sở CQT**

### **1. Đối với Cục Thuế, Chi cục Thuế**

Cơ quan thuế thực hiện thống kê danh sách HSKT GTGT, TNDN, TTĐB rủi ro cao cần kiểm tra tại trụ sở CQT; kết quả kiểm tra HSKT trên ứng dụng để thực hiện đánh giá các nội dung sau:

- Đánh giá hiệu quả của từng chỉ số tiêu chí theo mẫu số 07-KTTB/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quy trình này cho từng loại HSKT GTGT, TNDN, TTĐB. Ứng dụng QLRR thực hiện vào ngày 05 tháng 02 hàng năm hoặc theo yêu cầu của CQT.

- Đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng QLRR trong việc lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB để kiểm tra tại trụ sở CQT.

Thời hạn gửi báo cáo:

- Chi cục Thuế gửi báo cáo đánh giá về Cục Thuế trước ngày 15 tháng 02

hàng năm.

- Cục Thuế gửi báo cáo đánh giá của Văn phòng Cục Thuế và các Chi cục Thuế trực thuộc về Tổng cục Thuế (Ban QLRR) trước ngày 25 tháng 02 hàng năm.

Việc đánh giá được thực hiện định kỳ hàng năm và theo các yêu cầu quản lý thuế phát sinh cụ thể.

## **2. Đối với Tổng cục Thuế**

Ban QLRR chủ trì, phối hợp với Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế, Cục Thuế Doanh nghiệp lớn và các Vụ/đơn vị liên quan thực hiện:

- Trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, tổng hợp báo cáo đánh giá việc áp dụng QLRR trong việc lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB có rủi ro để kiểm tra tại trụ sở CQT của toàn ngành thuế báo cáo Tổng cục.


- Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai áp dụng QLRR trong việc lựa chọn HSKT GTGT, TNDN, TTĐB có rủi ro để kiểm tra của CQT các cấp.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Ban QLRR chủ trì phối hợp với Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo triển khai thực hiện Quy trình này. Các Vụ/đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

2. Lãnh đạo CQT các cấp chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện theo các quy định tại Quy trình này; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy trình của các đơn vị thuộc quyền quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các Vụ/đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phản ánh, báo cáo kịp thời về Tổng cục Thuế (Ban QLRR) để nghiên cứu, xem xét giải quyết. 

**Phụ lục**  
**DANH MỤC BIỂU MẪU**  
(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-TCT ngày 26/01/2024 của Tổng cục Thuế)

<b>STT</b>	<b>Mẫu số</b>	<b>Tên biểu mẫu</b>	<b>Số trang</b>
1	01-KTTB/QTr-QLRR	Kết quả phân loại mức độ rủi ro	01
2	02-KTTB/QTr-QLRR	Kết quả phân loại mức độ rủi ro cao	01
3	03-KTTB/QTr-QLRR	Danh sách người nộp thuế có hồ sơ khai thuế rủi ro cao	01
4	04-KTTB/QTr-QLRR	Phiếu nhận xét hồ sơ khai thuế GTGT	02
5	05-KTTB/QTr-QLRR	Phiếu nhận xét hồ sơ khai thuế TNDN	02
6	06-KTTB/QTr-QLRR	Phiếu nhận xét hồ sơ khai thuế TTĐB	02
7	07-KTTB/QTr-QLRR	Báo cáo đánh giá hiệu quả chỉ số tiêu chí	01

✍

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 01-KTTB/QTr-QLRR  
(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-TCT ngày 26 tháng 01 năm 2024  
của Tổng cục Thuế)

### KẾT QUẢ PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ RỦI RO

Nhóm chỉ số tiêu chí hồ sơ khai thuế:..... Kỳ phân tích:.....  
(Bao gồm toàn bộ HSKT được phân tích, sắp xếp theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp)

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Trạng thái hoạt động	Ngành nghề kinh doanh	Loại hình kinh tế	Chỉ số 1		Chỉ số 2		Chỉ số 3		Chỉ số ...		Tổng điểm	Mức độ rủi ro	Số lượng chỉ số có điểm rủi ro cao	Ghi chú	
						Kết quả	Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả	Điểm					
1																		
2																		
3																		
4																		
5																		
6																		
7																		
....																		

☑

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 02-KTTB/QT-QLRR  
 (Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-TCT ngày 26 tháng 01 năm 2024  
 của Tổng cục Thuế)

### KẾT QUẢ PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ RỦI RO CAO

Nhóm chỉ số tiêu chí hồ sơ khai thuế: ..... Kỳ phân tích:.....

(Bao gồm toàn bộ HSKT được phân loại mức độ rủi ro cao theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp)

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Trạng thái hoạt động	Ngành nghề kinh doanh	Loại hình kinh tế	Điểm chỉ số rủi ro cao			Số lượng chỉ số có điểm rủi ro cao	Tổng điểm rủi ro	Ghi chú (Lý do điều chỉnh bổ sung)
						Chỉ số ...	Chỉ số ....	Chỉ số ...			
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
....											

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 03-KTTB/QTr-QLRR  
(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-TCT ngày 26 tháng 01 năm 2024  
của Tổng cục Thuế)

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ CÓ HỒ SƠ KHAI THUẾ RỦI RO CAO**  
Kỳ phân tích:

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Trạng thái hoạt động	Ngành nghề kinh doanh	Loại hình kinh tế	Hồ sơ khai thuế rủi ro cao trong kỳ			Ghi chú
						GTGT	TNDN	TTĐB	
1	123456789	Công ty .....				x	x	x	
2	4561756..	Công ty .....				x		x	
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
....									

Q

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ KHAI THUẾ GTGT

### Kỳ phân tích:

- Người nộp thuế: .....
- Mã số thuế: .....
- Địa chỉ: .....
- Ngành nghề kinh doanh: .....
- Công chức kiểm tra: .....
- Kỳ kê khai:.....

### I. NHẬN XÉT HỒ SƠ KHAI THUẾ:

#### 1. Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý: (công chức kiểm tra tự ghi)

.....

#### 2. Kiểm tra các dấu hiệu rủi ro:

##### 2.1. Chỉ số tiêu chí 1: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.2. Chỉ số tiêu chí 2: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.3. Chỉ số tiêu chí 3: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.4. Chỉ số tiêu chí 4: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.5. Chỉ số tiêu chí 5: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.6. Chỉ số tiêu chí 6: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.7. Chỉ số tiêu chí 7: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....

- Mức độ rủi ro:.....
- 2.8. Chỉ số tiêu chí 8: (Tên chỉ số tiêu chí):
  - Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
  - Điểm rủi ro:.....
  - Mức độ rủi ro:.....
- 2.9. Chỉ số tiêu chí 9: (Tên chỉ số tiêu chí):
  - Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
  - Điểm rủi ro:.....
  - Mức độ rủi ro:.....
- 2.10. Chỉ số tiêu chí 10: (Tên chỉ số tiêu chí):
  - Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
  - Điểm rủi ro:.....
  - Mức độ rủi ro:.....
- 2.11. Chỉ số tiêu chí 11: (Tên chỉ số tiêu chí):
  - Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
  - Điểm rủi ro:.....
  - Mức độ rủi ro:.....

**3. Kết quả phân tích Hồ sơ khai thuế:**

- Tổng điểm: .....
- Xếp hạng rủi ro: .....

**4. Nội dung nhận xét khác ngoài phần hỗ trợ của ứng dụng: (công chức kiểm tra tự ghi)**

.....  
.....

**II. XÁC NHẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA:**

Kiến nghị thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình và bổ sung các nội dung có liên quan đến kết quả nhận xét nêu trên:

.....  
.....

**ĐỘI TRƯỞNG/TRƯỞNG PHÒNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm  
**CÔNG CHỨC KIỂM TRA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Ghi chú: phiếu nhận xét có thể kết xuất ra word.*





TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ KHAI THUẾ TNDN

Kỳ phân tích:

- Người nộp thuế: .....
- Mã số thuế: .....
- Địa chỉ: .....
- Ngành nghề kinh doanh: .....
- Công chức kiểm tra: .....
- Kỳ kê khai:.....

### I. NHẬN XÉT HỒ SƠ KHAI THUẾ:

#### 1. Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý: (công chức kiểm tra tự ghi)

.....

#### 2. Kiểm tra các dấu hiệu rủi ro:

##### 2.1. Chỉ số tiêu chí 1: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.2. Chỉ số tiêu chí 2: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.3. Chỉ số tiêu chí 3: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.4. Chỉ số tiêu chí 4: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.5. Chỉ số tiêu chí 5: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.6. Chỉ số tiêu chí 6: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

## 2.7. Chỉ số tiêu chí 7: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

## 2.8. Chỉ số tiêu chí 8: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

## 2.9. Chỉ số tiêu chí 9: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

## 2.10. Chỉ số tiêu chí 10: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

## 2.11. Chỉ số tiêu chí 11: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

## 2.12. Chỉ số tiêu chí 12: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

**3. Kết quả phân tích Hồ sơ khai thuế:**

- Tổng điểm: .....
- Xếp hạng rủi ro: .....

**4. Nội dung nhận xét khác ngoài phần hỗ trợ của ứng dụng: (công chức kiểm tra tự ghi)**

.....

.....

**II. XÁC NHẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA:**

Kiến nghị thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình và bổ sung các nội dung có liên quan đến kết quả nhận xét nêu trên:

.....

.....

**ĐỘI TRƯỞNG/TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm  
**CÔNG CHỨC KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: phiếu nhận xét có thể kết xuất ra word.



TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ KHAI THUẾ TTĐB

Kỳ phân tích:

- Người nộp thuế: .....
- Mã số thuế: .....
- Địa chỉ: .....
- Ngành nghề kinh doanh: .....
- Công chức kiểm tra: .....
- Kỳ kê khai:.....

### I. NHẬN XÉT HỒ SƠ KHAI THUẾ:

#### 1. Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý: (công chức kiểm tra tự ghi)

.....

#### 2. Kiểm tra các dấu hiệu rủi ro:

##### 2.1. Chỉ số tiêu chí 1: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.2. Chỉ số tiêu chí 2: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.3. Chỉ số tiêu chí 3: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.4. Chỉ số tiêu chí 4: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.5. Chỉ số tiêu chí 5: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

##### 2.6. Chỉ số tiêu chí 6: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

## 2.7. Chỉ số tiêu chí 7: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

## 2.8. Chỉ số tiêu chí 8: (Tên chỉ số tiêu chí):

- Kết quả của chỉ số tiêu chí: .....
- Điểm rủi ro:.....
- Mức độ rủi ro:.....

**3. Kết quả phân tích Hồ sơ khai thuế:**

- Tổng điểm: .....
- Xếp hạng rủi ro: .....

**4. Nội dung nhận xét khác ngoài phần hỗ trợ của ứng dụng: (công chức kiểm tra tự ghi)**

.....

.....

.....

.....

**II. XÁC NHẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA:**

Kiến nghị thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình và bổ sung các nội dung có liên quan đến kết quả nhận xét nêu trên:

.....

.....

**ĐỘI TRƯỞNG/TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm  
**CÔNG CHỨC KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Ghi chú: phiếu nhận xét có thể kết xuất ra word.*

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 07-KTTB/QTr-QLRR  
(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-TCT ngày 26 tháng 01 năm 2024  
của Tổng cục Thuế)

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHỈ SỐ TIÊU CHÍ**  
Nhóm chỉ số tiêu chí hồ sơ khai thuế: .....; năm đánh giá:.....

STT	MST	Tên NNT	Ký kê khai	Mức độ rủi ro cao của Chỉ số 1	Mức độ rủi ro cao của Chỉ số 2	Mức độ rủi ro cao của Chỉ số 3	....	Mức độ rủi ro cao của Chỉ số N	Tổng số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng; ấn định; giảm khấu trừ, giảm lỗ; số tiền thuế được miễn, giảm thuế; số tiền phạt
1				x					5 tỷ
2				x					10 tỷ
3				-					-
...				...					...
		Tổng cộng		50 lần					
		Hiệu quả của chỉ số tiêu chí (Tổng số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng; ấn định; giảm khấu trừ; giảm lỗ; số tiền thuế được miễn, giảm thuế; số tiền phạt /Số lần xuất hiện rủi ro cao)							1 tỷ/lần

Ngày tháng năm  
**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THUẾ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)